



- Yêu cầu học sinh nêu vài số đã học, giáo viên ghi bảng (nếu không phải số tự nhiên giáo viên ghi riêng qua một bên)

- Giáo viên chỉ vào các số tự nhiên trên bảng & giới thiệu: Đây là các số tự nhiên. Các số  $1/6$ ,  $1/10$ ... không là số tự nhiên.

### **b) Dãy số tự nhiên:**

- Yêu cầu HS nêu các số theo thứ tự từ bé đến lớn, GV ghi bảng.

- GV nói: Tất cả các số tự nhiên được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên.

- Giáo viên nêu lần lượt từng dãy số rồi cho học sinh nhận xét xem dãy số nào là dãy số tự nhiên, dãy số nào không phải là dãy số tự nhiên

+ 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, ....

+ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, ....

+ 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10

+ 0, 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, .....

+ 1, 3, 5, 7, 9, 11, 13, 15...

**GV lưu ý:** đây không phải là dãy số tự nhiên nhưng các số trong dãy này đều là các số tự nhiên (tránh cho HS hiểu lầm không phải là dãy số tự nhiên tức là các số đó không phải là số tự nhiên)

- Giáo viên đưa bảng phụ có vẽ tia số và yêu cầu học sinh nêu nhận xét về hình vẽ này

- Giáo viên chốt lại ý chính.

### **2.3. Hoạt động 2: Giới thiệu một số đặc điểm của dãy số tự nhiên**

- Giáo viên đề lại trên bảng dãy số tự nhiên: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, ....

- HS nêu: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10...

- Cả lớp theo dõi

- Học sinh nêu trước l

- Học sinh theo dõi rồi nêu lại

- Học sinh nhận xét:

+ Là dãy số tự nhiên, ba dấu chấm để chỉ những số tự nhiên lớn hơn 10

+ Không phải là dãy số tự nhiên vì thiếu số 0; đây là một bộ phận của dãy số tự nhiên

+ Không phải là dãy số tự nhiên vì thiếu các số tự nhiên lớn hơn 10; đây cũng là một bộ phận của dãy số tự nhiên

+ Không phải là dãy số tự nhiên vì thiếu các số lẻ 1, 3, 5...

+ Không phải là dãy số tự nhiên vì thiếu các số chẵn: 0, 2, 4...

- HS nhận xét: + Đây là tia số

+ Trên tia số này mỗi số của dãy số tự nhiên ứng với một điểm của tia số

+ Số 0 ứng với điểm gốc của tia số

Chúng ta đã biểu diễn dãy số tự nhiên trên tia số.

- Cả lớp theo dõi

- Học sinh theo dõi và trả lời

<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thêm 1 vào 5 thì được mấy?</li> <li>+ Thêm 1 vào 10 thì được mấy?</li> <li>+ Thêm 1 vào 99 thì được mấy?</li> <li>+ Nếu cứ thêm 1 vào bất cứ số tự nhiên nào thì sẽ được gì?</li> <li>- Nếu cứ thêm 1 vào bất cứ số tự nhiên nào thì sẽ được số tự nhiên liền sau số đó, như thế dãy số tự nhiên có thể kéo dài mãi, điều đó chứng tỏ không có số tự nhiên lớn nhất.</li> <li>- Yêu cầu HS nêu thêm một số ví dụ.</li> <li>- Bớt 1 ở bất kì số tự nhiên nào sẽ được số tự nhiên liền trước số đó.</li> <li>- Yêu cầu HS nêu ví dụ.</li> <li>Có thể bớt 1 ở số 0 để được số tự nhiên khác không?</li> <li>- Như vậy có số tự nhiên nào liền trước số 0 không? Số tự nhiên bé nhất là số nào?</li> <li>- Số 5 và 6 hơn kém nhau mấy đơn vị?</li> <li>- Giáo viên nhận xét kết luận : Trong dãy số tự nhiên, hai số liên tiếp nhau thì hơn kém nhau 1 đơn vị</li> </ul> <p><b>2.4. Hoạt động 3: Thực hành</b></p> <p><b><u>Bài tập 1:</u></b> - Mời học sinh đọc yêu cầu bài</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu học sinh thảo luận theo cặp, ghi kết quả vào vở</li> <li>- Mời học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại</li> </ul> <p><b><u>Bài tập 2:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời học sinh đọc yêu cầu bài</li> <li>- Yêu cầu học sinh thảo luận theo cặp, ghi kết quả vào vở</li> <li>- Mời học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại</li> </ul> <p><b><u>Bài tập 3:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời học sinh đọc yêu cầu bài</li> <li>- Yêu cầu học sinh làm vào vở</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thêm 1 vào 5 thì được 6</li> <li>+ Thêm 1 vào 10 thì được 11</li> <li>+ Thêm 1 vào 99 thì được 100</li> <li>+ Nếu cứ thêm 1 vào bất cứ số tự nhiên nào thì sẽ được số tự nhiên liền sau số đó.</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> <li>- Học sinh nêu thêm ví dụ</li> <li>- Học sinh theo dõi</li> <li>- Học sinh nêu ví dụ</li> <li>- Học sinh: Không thể bớt được.</li> <li>- Không thể bớt 1 ở số 0 vì 0 là số tự nhiên bé nhất. Không có số tự nhiên liền trước số 0. Số tự nhiên bé nhất là số 0. 0 đơn vị</li> <li>- Hai số này hơn kém nhau 1 đơn vị</li> <li>Vài HS nhắc lại</li> <li>- HS đọc: <i>Viết số tự nhiên liền sau của mỗi số sau vào ô trống:</i></li> <li>- Học sinh thảo luận theo cặp, ghi kết quả vào vở</li> <li>- Từng cặp học sinh trình bày làm</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, thống nhất kết quả 6 ; 7 / 29; 30 / 99; 100 / 100; 101 / 1000; 1001.</li> <li>- HS đọc: <i>Viết số tự nhiên liền trước của mỗi số sau vào ô trống:</i></li> <li>- Học sinh thảo luận theo cặp, ghi kết quả vào vở</li> <li>- Từng cặp học sinh trình bày làm</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, thống nhất kết quả 11; 12 / 99; 100 / 999; 1000 / 1001; 1002 / 9 999; 10 000</li> <li>- HS đọc: <i>Viết số thích hợp vào chỗ chấm để có ba số sau vào ô trống.</i></li> <li>- Cả lớp làm bài vào vở.</li> </ul>
--	--

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại</li> </ul> <p><b><u>Bài tập 4 a:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời học sinh đọc yêu cầu bài</li> <li>- Yêu cầu học sinh làm vào vở</li> <li>- Mời học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại</li> </ul> <p><b><u>3. củng cố - dặn dò:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thế nào là dãy số tự nhiên?</li> <li>- Nêu đặc điểm của dãy số tự nhiên mà em được học?</li> <li>- Chuẩn bị bài: <i>Viết số tự nhiên trong hệ thập phân</i></li> <li>- Nhận xét tiết học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại:</li> <li>a) 4; 5; 6.    b) 86; 87; 88.</li> <li>c) 896; 897; 898.    d) 9; 10; 11.</li> <li>e) 99;100;101.    g) 9998; 9999; 10000</li> <li>- HS đọc: <i>Viết số thích hợp vào chỗ chấm để có ba số sau vào ô trống.</i></li> <li>- Cả lớp làm bài vào vở.</li> <li>- Học sinh trình bày trước lớp</li> <li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại</li> <li>a) 909; 910; 911; 912; 913; 914; 915; 916.</li> <li>Các số tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên.</li> <li>- 0 là số tự nhiên bé nhất. Không có số tự nhiên nào lớn nhất.</li> <li>- Trong dãy số tự nhiên, hai số tự nhiên liên tiếp thì hơn hoặc kém nhau 1 đơn vị.</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> </ul>
---	---



### **Tiết 3: Luyện từ và câu:**

#### **Mở rộng vốn từ: Nhân hậu – Đoàn kết.**

##### **I. Mục tiêu:**

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm Nhân hậu – Đoàn kết (BT2, BT3, BT4); biết cách mở rộng vốn từ có tiếng *hiền*, tiếng *ác* (BT1)
- Yêu thích tìm hiểu Tiếng Việt.

**GD:** - *Giáo dục tính hướng thiện cho học sinh (biết sống nhân hậu và biết đoàn kết với mọi người)*

##### **II. Đồ dùng dạy - học:**

Vở bài tập

##### **III. Các hoạt động dạy - học:**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS</b>
<p><b><u>1. Kiểm tra bài cũ:</u></b> <i>Từ đơn &amp; từ phức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ đơn (từ phức) là từ như thế nào?</li> <li>- Tiếng dùng để làm gì? Từ dùng để làm gì? Nêu ví dụ.</li> <li>- Giáo viên nhận xét &amp; chấm điểm</li> </ul> <p><b><u>2. Dạy bài mới:</u></b></p> <p><b>2.1. Giới thiệu bài:</b> <i>Qua các bài học trong hơn 2 tuần qua, các em đã biết nhiều từ ngữ nói về lòng nhân hậu,</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời trước lớp</li> <li>HS cả lớp theo dõi nhận xét.</li> <li>- Cả lớp theo dõi</li> </ul>

thương người, sự đoàn kết. Bài học hôm nay tiếp tục mở rộng thêm vốn từ thuộc chủ điểm này.

## 2.2. Hướng dẫn luyện tập

### Bài tập 1:

- Giáo viên mời học sinh đọc yêu cầu của bài tập, đọc cả mẫu
- GV hướng dẫn HS tìm từ trong từ điển: Khi tìm các từ bắt đầu bằng tiếng **hiền**, các em hãy mở từ điển tìm chữ **h**, và vần **iên**. Khi tìm từ bắt đầu bằng tiếng **ác**, mở trang bắt đầu bằng chữ **a**, tìm vần **ac** .....
- Giáo viên yêu cầu học sinh làm theo nhóm và có thể sử dụng từ điển hoặc huy động trí nhớ để tìm các từ có tiếng **hiền**, các từ có tiếng **ác**
- Mời đại diện nhóm trình bày kết quả
- GV nhận xét & cùng trọng tài tính điểm thi đua, kết luận nhóm thắng cuộc (nhóm tìm đúng / nhiều từ)

### Bài tập 2:

- Mời học sinh đọc yêu cầu của bài tập
- GV lưu ý HS: từ nào chưa hiểu cần hỏi ngay giáo viên hoặc tra từ điển
- Chia nhóm, phiếu cho mỗi nhóm và yêu cầu học sinh làm bài vào vở
- Mời đại diện các nhóm lên trình bày
- GV nhận xét & cùng trọng tài tính điểm thi đua, kết luận nhóm thắng cuộc (nhóm tìm đúng / nhiều từ)

### Bài tập 3:

- Mời HS đọc yêu cầu của bài tập

- HS đọc: *Tìm các từ chứa tiếng **hiền**, chứa tiếng **ác***

- Học sinh theo dõi hướng dẫn

- HS có thể sử dụng từ điển hoặc huy động trí nhớ để tìm các từ có tiếng **hiền**, các từ có tiếng **ác**. Học sinh làm việc theo nhóm

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả trên bảng.

- Nhận xét, bổ sung, chốt lại

a) *hiền lành, hiền đức, hiền hậu, hiền đức, ...*

b) *ác độc, ác bá, ác nghiệt, ác quỷ, ác tâm, ác tính, ác thú, ác cảm, ...*

- HS đọc: *Xếp các từ sau vào ô thích hợp trong bảng:*

- Cả lớp theo dõi

- Các nhóm nhận phiếu làm bài.

- Đại diện các nhóm lên dán bài trên bảng lớp và trình bày kết quả

- Nhận xét, bổ sung, sửa bài

	+	-
Nhân hậu	nhân ái, hiền hậu, phúc hậu, đôn hậu, trung hậu, nhân từ.	Tàn ác, hung ác, độc ác, tàn bạo
Đoàn kết	cru mang, che chở, đùm bọc.	Đè nén, áp bức, chia rẽ.

- HS đọc yêu cầu.

- GV gợi ý: Em phải chọn từ nào trong ngoặc mà nghĩa của nó phù hợp với nghĩa của các từ khác trong câu, điền vào ô trống sẽ tạo thành câu có nghĩa hợp lí.
- Yêu cầu học sinh làm bài vào vở (VBT)
- Mời học sinh trình bày bài làm
- GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng.

#### **Bài tập 4:**

- Mời học sinh đọc yêu cầu của bài tập
- GV gợi ý: Muốn hiểu biết các thành ngữ, tục ngữ, em phải hiểu cả nghĩa đen & nghĩa bóng. Nghĩa bóng của các thành ngữ, tục ngữ có thể suy ra từ nghĩa đen của các từ.
- Yêu cầu học sinh nêu nghĩa của các câu thành ngữ và tục ngữ
- Giáo viên nhận xét, chốt lại ý kiến đúng
  - c) **Nhường cơm sẻ áo:** Giúp đỡ nhau, san sẻ cho nhau những lúc khó khăn, hoạn nạn.
  - d) **Lá lành đùm lá rách** : Người may mắn giúp người bất hạnh, người giàu có giúp người nghèo khổ, người khoẻ mạnh giúp người ốm yếu.
- 3. Củng cố - dặn dò:**
  - Yêu cầu học sinh học thuộc các câu tục ngữ, thành ngữ
  - - *Giáo dục tính hướng thiện cho học sinh (biết sống nhân hậu và biết đoàn kết với mọi người)*
  - Dặn học sinh HTL các thành ngữ, tục ngữ. Viết vào vở tình huống sử dụng 1 thành ngữ hoặc tục ngữ.
  - Chuẩn bị bài: *Từ ghép và từ láy.*

- HS đọc: *Em chọn từ ngữ nào trong ngoặc đơn (**đắt**, **cọp**, **bụt**, **chị em gái**) điền vào ô trống để hoàn chỉnh các thành ngữ dưới đây?*

- Cả lớp theo dõi
- Học sinh trao đổi nhóm đôi
- Học sinh trình bày kết quả.
- Nhận xét, chốt lại:
  - a) Hiền như **bụt** (hoặc **đắt**)
  - b) Lành như **đắt** (hoặc **bụt**)
  - c) Dữ như **cọp** (hoặc **hổ cái**)
  - d) Thương nhau như **chị em gái**.

- HS đọc: *Em hiểu nghĩa của các thành ngữ, tục ngữ dưới đây như thế nào?*

- Cả lớp theo dõi
- Vài HS đọc thuộc lòng các thành ngữ đã hoàn chỉnh, sau đó viết lại vào VBT

- Học sinh phát biểu ý kiến trước lớp

- Học sinh nhận xét, bổ sung, chốt lại
  - a) **Môi hở răng lạnh:** Ý nói những người ruột thịt, gần gũi, hàng xóm láng giềng phải biết che chở, đùm bọc nhau.
  - b) **Máu chảy ruột mềm:** Những người thân gặp hoạn nạn mọi người trong gia đình đều cảm thấy đau đớn.

- Học sinh thực hiện

- Cả lớp theo dõi

- GV NX tinh thần, thái độ học tập của HS.



#### ***Giết 4: Địa lí:***

### **Một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn.**

#### **I. Mục tiêu:**

- Nêu được một số dân tộc ít người ở Hoàng Liên Sơn: Thái, Dao, Mông,....
- Biết Hoàng Liên là nơi dân cư thưa thớt.
- Sử dụng được tranh ảnh để mô tả nhà sàn và trang phục của một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn:
  - + Trang phục: mỗi dân tộc có cách ăn mặc riêng; Trang phục của các dân tộc được may, thêu, trang trí rất công phu và thường có màu sắc sặc sỡ...
  - + Nhà sàn: được làm từ các vật liệu tự nhiên như gỗ, tre, nứa.

#### **II. Đồ dùng dạy - học:**

- Sách giáo khoa. Tranh ảnh về nhà sàn, trang phục, lễ hội, sinh hoạt của một số dân tộc ở vùng núi Hoàng Liên Sơn

#### **III. Các hoạt động dạy - học:**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS</b>
<p><b><u>1. Kiểm tra bài cũ:</u></b> <i>Dãy núi Hoàng Liên Sơn</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hãy chỉ vị trí của dãy núi Hoàng Liên Sơn trên bản đồ tự nhiên Việt Nam &amp; cho biết nó có đặc điểm gì?</li><li>- Khí hậu ở vùng núi cao Hoàng Liên Sơn như thế nào?</li><li>- Giáo viên nhận xét, ghi điểm</li></ul> <p><b><u>2. Dạy bài mới:</u></b></p> <p><b>2.1. Giới thiệu bài:</b></p> <p><i>Một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn</i></p> <p><b><u>2.2. Hoạt động 1: Hoạt động cá nhân</u></b></p> <p>* Yêu cầu học sinh đọc mục 1 và trả lời câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Dân cư ở vùng núi Hoàng Liên Sơn đông đúc hơn hay thưa thớt hơn so với vùng đồng bằng?</li><li>- Kể tên các dân tộc ít người ở vùng núi Hoàng Liên Sơn.</li><li>- Xếp thứ tự các dân tộc (Dao, Thái, Mông) theo địa bàn cư trú từ nơi thấp đến nơi cao.</li><li>- Người dân ở khu vực núi cao thường đi bằng phương tiện gì? Vì sao?</li><li>- Giáo viên sửa chữa bổ sung.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- 2HS chỉ trên bản đồ và trả lời câu hỏi.</li><li>- HS cả lớp theo dõi nhận xét.</li><li>- Học sinh nêu</li><li>- Cả lớp theo dõi</li><li>* Học sinh đọc mục 1 và trả lời:<ul style="list-style-type: none"><li>- Dân cư ở Hoàng Liên Sơn thưa thớt hơn so với đồng bằng.</li><li>- Các dân tộc ở đây là: Dao, Thái, Mông, Mông.</li><li>- HS đọc bảng số liệu và sắp xếp: Dao, Mông, Thái.</li><li>- Họ đi bộ hoặc đi bằng ngựa. Vì đường giao thông chủ yếu là đường mòn.</li><li>- Cả lớp theo dõi</li></ul></li></ul>